

Bản án số: **497/2023/HS-PT**
Ngày: 20-12-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hồng Hương

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Trung Hưng

Bà Nguyễn Thị Lệ Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thanh Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Bà Bùi Thị Mỹ Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 346/2023/TLPT-HS ngày 24 tháng 8 năm 2023 đối với bị cáo Trần Đức Đ do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 336/2023/HS-ST ngày 10/7/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Bị cáo có kháng cáo:

Trần Đức Đ, sinh năm 1999 tại tỉnh Đồng Nai; Giới tính: Nam; Hộ khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: khu phố X, phường Y, thành phố O, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông Trần Ngọc Đ1, sinh năm 1978 và bà Bùi Kim Đ2, sinh năm 1978; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất; Có vợ tên Lê Song H, sinh năm 1997 và có 01 con, sinh năm 2022; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 08/11/2018, bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xử phạt 08 tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản” quy định tại Điều 135 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) theo Bản án số 409/2018/HSST ngày 08/11/2018. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 09/01/2019.

Bị bắt quả tang, tạm giữ và chuyển tạm giam từ ngày 18/9/2022 cho đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Nai. (Có mặt)

Ngoài ra, còn có các bị cáo khác không có kháng cáo và không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Huỳnh Đức T, Lê Thế T1, Trần Đức Đ đều là người sử dụng trái phép chất ma túy.

Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 18/9/2022, T và T1 bàn bạc rủ người góp tiền để mua ma túy và tìm địa điểm sử dụng ma túy. Sau đó, T sử dụng mạng xã hội Facebook gọi cho Đ nhờ Đ tìm địa điểm, mua 01 gói ma túy tổng hợp (Hàng đá), 05 viên ma túy tổng hợp (Thuốc lắc) và rủ thêm người để sử dụng ma túy (chưa nói Đ góp tiền), Đ đồng ý. Lúc này Đ đang đi cùng Bùi Văn C (sinh năm 1999, ngụ tại khu phố X, phường Y, thành phố O, tỉnh Đồng Nai), Phan Đình P (sinh ngày 25/9/2004, ngụ tại tổ 42, khu phố U, phường Y, thành phố O, tỉnh Đồng Nai) nên Đ rủ C và P cùng đi, cả hai đồng ý. Đ hỏi C biết chỗ thuê phòng và mua ma túy để sử dụng thì C nói cho Đ biết số điện thoại 093618XXXX của đối tượng T2 (không rõ nhân lai lịch). Đ gọi điện cho T2 thì T2 đồng ý và hẹn Đ đến Cửa hàng vật liệu xây dựng “Phong M” thuộc khu phố E, phường V, thành phố O gặp T2.

Sau khi sắp xếp xong, Đ điện thoại cho T thông báo đã đặt được phòng, mua được ma túy và hướng dẫn T đến khu vực ngã ba I, thuộc khu phố R, phường V, thành phố Biên Hòa gặp Đ. T điều khiển xe mô tô biển số 60F4-034.XX đến nhà Đặng Hoàng Minh H1 (sinh năm 2000, địa chỉ khu phố X1, phường Y1, thành phố O) và sử dụng điện thoại thuê bao số 033333XXXX gọi cho Trần Văn Tuấn H2 (sinh năm 2000, ngụ tại khu phố X1, phường V1, thành phố O, tỉnh Đồng Nai) rủ H1 và H2 cùng sử dụng ma túy, thì cả hai đồng ý.

Đến 16 giờ cùng ngày, Đ và C đến địa chỉ nêu trên gặp T2. T2 đưa Đ đến căn phòng ở lầu 1, nhà không số thuộc khu phố E, phường V, thành phố O để nhận phòng. Đ và C vào phòng thì thấy trong phòng đã được dán giấy xốp cách âm, trên nệm có 01 đĩa sứ, 01 tờ tiền Polyme mệnh giá 10.000đ (Mười nghìn đồng), thẻ cào, loa nghe nhạc, đèn nháy. Lúc này, Đ sử dụng mạng xã hội facebook

gọi cho T, rồi đưa điện thoại để T2 và T thỏa thuận tiền phòng là 3.500.000đ (Ba triệu năm trăm nghìn đồng), T2 đọc số tài khoản ngân hàng số 86886333XXXXX để T chuyển khoản trả tiền phòng. T gửi số tài khoản nêu trên cho T1 và T1 đã chuyển số tiền 3.500.000đ (Ba triệu năm trăm nghìn đồng) cho T2.

Khi T, T1, H1, H2 đến điểm hẹn nêu trên, Đ đón cả nhóm vào phòng. Sau đó, T2 điện thoại cho đối tượng S (không rõ nhân thân lai lịch) mang ma túy đến. Đ mua của S mua 01 gói ma túy tổng hợp (Hàng đá) và 05 viên ma túy tổng hợp (thuốc lắc) với giá 3.000.000đ (Ba triệu đồng) nhưng chưa trả tiền. Sau khi mua ma túy, Đ đưa 05 viên ma túy tổng hợp cho T, T bẻ 04 viên thuốc lắc ra làm 08 phần bỏ trên đĩa sứ, còn Đ lấy gói ma túy tổng hợp nêu trên đổ ra đĩa sứ, cả nhuyển để cả nhóm sử dụng. Khi cả nhóm đang sử dụng ma túy thì P đến và cùng sử dụng ma túy. Sau khi sử dụng ma túy xong, cả nhóm nằm trên nệm nghe nhạc. T, T1, Đ thống nhất cất giấu số ma túy còn dư chưa dùng hết để lúc khác sử dụng. T1 cầm gói nilon bên trong có 01 viên nén, 01 phần viên nén đứng lên đem đi cất giấu. Lúc này, C đứng ở phía ngoài nên C cầm số ma túy từ tay T1 đem cất giấu sau tấm xốp cách âm dán trên tường trong phòng.

Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, T, T1, Đ, C, H2, H1, P bị Công an thành phố Biên Hòa phối hợp Công an phường Trảng Dài bắt quả tang.

* Tại Kết luận giám định số 1989/KL-KTHS ngày 26/9/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai đã kết luận:

- Mẫu 01 viên nén màu xám và 01 phần viên nén màu xám (ký hiệu M1) được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng 0,5079 gam, loại MDMA.

- Mẫu 02 phần viên nén màu xám (Ký hiệu M2) được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng 0,2475 gam, loại MDMA.

* **Về vật chứng vụ án và xử lý vật chứng:** Đã được cấp sơ thẩm xử lý đúng quy định pháp luật.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 336/2023/HS-ST ngày 10/7/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai đã áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 55 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt: Bị cáo **Trần Đức Đ 08 (tám) năm 04 (bốn) tháng tù** về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” và **01 (một) năm 02 (hai) tháng tù** về tội “*Tàng trữ trái*”

phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt cả hai tội là **09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù**, thời hạn tù tính ngày 18/9/2022.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên phạt các bị cáo khác trong vụ án. Tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 12/7/2023, bị cáo Trần Đức Đ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Sau đó, bị cáo kháng cáo bổ sung xin giảm nhẹ hình phạt đối với tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” và xem xét không kết tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Tại phiên tòa, bị cáo vẫn giữ nguyên kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét kháng cáo của bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa nêu quan điểm vụ án:

Cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Trần Đức Đ về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” theo điểm b, c khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự và “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chế độ quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, góp phần làm gia tăng các tệ nạn xã hội, ảnh hưởng xấu đến đời sống cộng đồng. Cấp sơ thẩm áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xử phạt bị cáo 08 (tám) năm 04 (bốn) tháng tù về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” và 01 (một) năm 02 (hai) tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Tổng hợp hình phạt cả hai tội là 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù là phù hợp. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm. Tuy nhiên, đối với tình tiết mới bị cáo cung cấp tại cấp phúc thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo làm trong hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trần Đức Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản án sơ thẩm đã nêu, cụ thể:

Vào khoảng 18 giờ ngày 18/9/2022, tại nhà không số thuộc khu phố E, phường V, thành phố O, Công an thành phố Biên Hòa phối hợp Công an phường Trảng Dài bắt quả tang Lê Huỳnh Đức T, Trần Đức Đ, Lê Thế T1 có hành vi tổ chức cho Bùi Văn C, Phan Đình P (sinh ngày 25/9/2004), Đặng Hoàng Minh H1, Trần Văn Tuấn H2 sử dụng trái phép chất ma túy. Quá trình lập biên bản kiểm tra còn phát hiện thu giữ 0,7554 gam, loại MDMA do các bị cáo sử dụng chưa hết đem cất giấu trên vách xộp cách âm trong phòng để lúc khác sử dụng.

Với hành vi phạm tội nêu trên, bị cáo Trần Đức Đ và đồng phạm đã bị Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b, c khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự và “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chế độ quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, góp phần làm gia tăng các tệ nạn xã hội, ảnh hưởng xấu đến đời sống cộng đồng. Bị cáo nhận thức rõ được tác hại của ma túy nhưng vẫn tổ chức, rủ rê người khác sử dụng là phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Do đó, cần phải có mức hình phạt tù tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo để có tác dụng răn đe, đấu tranh phòng ngừa loại tội phạm này.

Khi lượng hình, Tòa án cấp sơ thẩm đã phân hóa vai trò và áp dụng tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ để xử phạt: Bị cáo **Trần Đức Đ 08 (tám) năm 04 (bốn) tháng tù** về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” và **01 (một) năm 02 (hai) tháng tù** về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Tổng hợp hình phạt cả hai tội là **09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù** là có cơ sở.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Trần Đức Đ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt đối với tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và không kết tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” như đã phân tích hành vi cất giấu 0,7554 gam ma túy, loại MDMA các bị cáo sử dụng còn dư, các bị cáo cùng thống nhất đem cất giấu để sử dụng, được các bị cáo thừa nhận trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm nên đủ cơ sở kết tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” như Bản án sơ thẩm đã nêu. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Đức Đ đối với nội dung này. Tuy nhiên, tại cấp phúc thẩm, ngoài các tình tiết giảm nhẹ cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng cho bị cáo: Bị cáo Trần Đức Đ cung cấp tài liệu thể hiện gia đình bị cáo có ông ngoại (ông Bùi Quang B) là người có công với cách

mạng được tặng Huy chương chiến sỹ vẻ vang; Huân chương chiến sỹ vẻ vang hạng ba; Có ông Bùi Văn T3 là thương binh và bị cáo có con nhỏ (sinh năm 2022).

Qua xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy sau khi phạm tội, bị cáo đã nhận thức được lỗi lầm; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Vì vậy, Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận một phần kháng cáo, giảm nhẹ một phần về hình phạt cho bị cáo để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật đối với người đã biết ăn năn hối cải, cải tạo tốt sớm trở về với gia đình và xã hội.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa có phần phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án;

Do kháng cáo của bị cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Trần Đức Đ; Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 336/2023/HS-ST ngày 10/7/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

[2] Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 55 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt:

Bị cáo **Trần Đức Đ 07 (Bảy) năm 04 (Bốn) tháng tù** về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” và **01 (Một) năm 02 (Hai) tháng tù** về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Tổng hợp hình phạt cả hai tội là **08 (Tám) năm 06 (Sáu) tháng tù**, thời hạn tù tính ngày 18/9/2022.

[3] Về án phí: Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Tòa án nhân dân TP. Biên Hòa (2);
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa;
- Cơ quan Thi hành án hình sự - Công an thành phố Biên Hòa;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Biên Hòa;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố O;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ - Công an tỉnh Đồng Nai (PV06);
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Cơ sở giam giữ - Bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng và Thẩm phán (3).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Hồng Hương